

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương.

Bà Lê Thị Minh Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐ-ST ngày 20/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đàm Thị K, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Ri, xã Vô Tranh, huyện L, tỉnh BG.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị K ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1958; Địa chỉ: tổ dân phố Kế, phường Dĩnh Kết, thành phố BG, tỉnh BG nhận và nộp các tài liệu với Tòa án.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Ri, xã Vô Tranh, huyện L, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Đàm Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn 10/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã

Vô Tranh, huyện L, tỉnh BG. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên đầu năm 2010 chị đi lao động tại Đài Loan, ban đầu vợ chồng vẫn liên lạc hỏi thăm nhau nhưng đến cuối năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, kể từ đó chị ít khi gọi điện về cho anh H, nếu gọi về thì chủ yếu là gọi điện thoại hỏi thăm tình hình học tập của con. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình có khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2019 đến nay chị và anh H không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Văn S, sinh năm 2004. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Nguyễn Văn H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu cho Tòa án nhân dân tỉnh BG.*

Tòa án nhân dân tỉnh BG tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt đối với anh H theo quy định của pháp luật theo Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay vẫn không thấy anh H đến phiên tòa cũng như không có ý kiến bằng văn bản đến Tòa án nhân dân tỉnh BG.

\* Tại phiên tòa, chị Đàm Thị K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Đàm Thị K; Biên bản làm việc với bố đẻ, con trai của anh Nguyễn Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không chấp hành quy định của pháp luật. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị K. Xử cho chị Đàm Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Do chị K yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Đàm Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chị K gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Do đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị K gửi đến Tòa án không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài. Tòa án trung cầu giám định dấu vân tay của chị K trong các tài liệu gửi đến Tòa án. Tại kết luận giám định số 612/KL-KTHS ngày 06/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BG nêu: Dấu vân tay màu đỏ in tại các mục “Ngón trỏ phải”, “Ngón trỏ trái” trên các tài liệu cần giám định so với dấu vân tay trên bản sao chỉ bản số 121500253, mang tên Đàm Thị K, sinh ngày 18/8/1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Vô Tranh, huyện L, tỉnh BG do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh BG cung cấp là của cùng một người. Do đó, có căn cứ xác định chị Đàm Thị K là người ký và lập các giấy tờ “Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Giấy ủy quyền” gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị K khởi kiện xin ly hôn anh H. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị K gửi cho Tòa án giấy chứng nhận làm việc tại Đài Loan. Giấy chứng nhận được Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc hợp pháp hóa nên chị K được xác định là đang lao động, làm việc tại nước ngoài. Mặt khác, anh H là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh BG. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[4.1]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Đàm Thị K là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đàm Thị K.

[4.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần những vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Tạ Văn Vụ.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị K và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh, huyện L, tỉnh BG. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh H, chị K chung sống với nhau hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn năm 2010 chị K đi lao động tại nước ngoài. Sau khi đi lao động một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị K xác định kể từ tháng 12/2019 đến nay chị K và anh H không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh H. Anh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ những đến nay không đến tham dự phiên tòa cũng như không có ý kiến bằng văn bản đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh H đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của mình trong vụ án. Ngoài ra, Tòa án cũng xác minh tình trạng hôn nhân của anh H, chị K thông qua gia đình thì được ông Hậu là bố đẻ anh H, cháu Sử là con trai anh H, chị K cho biết anh, chị có mâu thuẫn từ cuối năm 2010 đến nay, từ đó đến nay anh, chị không còn liên lạc với nhau. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh H, chị K đã có thời gian dài không quan tâm, liên lạc với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh H là phù hợp tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6]. Về nuôi con chung: Do các con chung đều trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Đàm Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đàm Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

**2.** Về án phí: Chị Đàm Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000864 ngày 14/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG. Xác nhận chị Đàm Thị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Đàm Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG;
- UBND xã Vô Tranh, tỉnh BG, tỉnh BG;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hải Hương**